

S TT	MSSV	H VÀ TÊN	L P	K T Q U H C T P C N M						I M T B H C T P NH 14-15	X P L O I H C T P NH 14-15	X P L O I R È N L U Y N N H 14-15	GHI CHÚ
				H C K 1			H C K 2						
				S T C	T B THANG 10	T B THANG 4	S T C	T B THANG 10	T B THANG 4				
1	172216541	ng Thái H c	K17CSUXDD	20	8.29	3.66	21	7.98	3.5	3.58	Gi i	X S C	
2	172216561	Ph m Quang Trung	K17CSUXDD	20	8.24	3.65	19	8.07	3.5	3.58	Gi i	X S C	
3	172216549	oàn Lê Quang	K17CSUXDD	19	7.85	3.31	21	7.74	3.36	3.34	Gi i	X S C	
4	1821113979	Qu ng Minh Hi u	K18CMUTMT	20	7.9	3.47	19	7.52	3.22	3.35	Gi i	T T	
5	1821123997	Lê Bá t	K18CMUTPM	20	7.94	3.54	23	7.54	3.17	3.34	Gi i	X S C	
6	1821614741	Lê Thái Sang	K18CSUXDD	20	8.59	3.74	18	8.32	3.62	3.68	Xu t S c	X S C	
7	1821613835	Nguy n Châu Thành	K18CSUXDD	20	8.94	3.8	21	8.21	3.55	3.67	Gi i	X S C	
8	1821614047	Tr n ình Anh Tu n	K18CSUXDD	20	8.16	3.48	19	8.19	3.62	3.55	Gi i	X S C	
9	1821614036	Nguy n Hùng S n	K18CSUXDD	20	8.16	3.6	18	7.81	3.36	3.49	Gi i	X S C	
10	1820614747	Hoàng Minh Thùy	K18CSUXDD	19	7.94	3.41	19	8.05	3.48	3.45	Gi i	T T	
11	1821614040	Nguy n Minh Tu n	K18CSUXDD	19	7.93	3.45	19	7.94	3.4	3.43	Gi i	T T	
12	1820256080	Nguy n Th Bích Dung	K18PSUKKT	20	8.36	3.76	21	8.67	3.84	3.80	Xu t S c	X S C	
13	1820254352	Hu nh Nguy n Ng c Trung	K18PSUKKT	20	8.48	3.7	16	8.98	3.87	3.78	Xu t S c	T T	
14	1820256448	Nguy n Lê B o Trân	K18PSUKKT	20	8.32	3.66	21	8.78	3.81	3.74	Xu t S c	X S C	
15	1820253681	Nguy n Th Thanh Nhân	K18PSUKKT	19	8.35	3.63	20	8.54	3.73	3.68	Xu t S c	T T	
16	1820256331	Ngô Th M Hoa	K18PSUKKT	20	8.18	3.53	21	8.44	3.79	3.66	Gi i	T T	
17	1820255386	V Th ào	K18PSUKKT	20	8.28	3.56	21	8.46	3.71	3.64	Gi i	X S C	
18	1821254922	Tr ng Hùng C ng	K18PSUKKT	19	8.17	3.57	20	8.2	3.64	3.61	Gi i	T T	
19	1820255384	Tr n Th Thi Chi	K18PSUKKT	20	8.24	3.48	20	8.46	3.72	3.60	Gi i	X S C	
20	1820253686	Lê Th Vân Anh	K18PSUKKT	19	8.3	3.65	20	8.12	3.56	3.60	Gi i	X S C	
21	1821255391	Võ Thi n Nhân	K18PSUKKT	19	7.86	3.47	20	8.34	3.7	3.59	Gi i	X S C	
22	1820253687	Võ Th Thu Nguy t	K18PSUKKT	20	8.14	3.61	21	8.31	3.57	3.59	Gi i	T T	
23	1820254341	D ng Nh t Linh	K18PSUKKT	20	7.76	3.34	20	8.4	3.78	3.56	Gi i	T T	
24	1820265396	Nguy n Th Thu Thanh	K18PSUKKT	20	8.3	3.61	21	8.02	3.49	3.55	Gi i	X S C	
25	1821253691	Nguy n Ph m Hoàng Ly	K18PSUKKT	20	8.04	3.48	20	8.16	3.55	3.52	Gi i	T T	
26	1820255724	Võ Th Thu Hi n	K18PSUKKT	19	7.69	3.3	21	8.06	3.62	3.47	Gi i	X S C	
27	1820253683	D ng Qu nh Tiên	K18PSUKKT	19	7.86	3.38	20	8.06	3.54	3.46	Gi i	X S C	
28	1820253674	Mai Th Qu nh Trang	K18PSUKKT	20	7.68	3.31	23	8.22	3.56	3.44	Gi i	T T	
29	1821254363	ình Xuân Phú	K18PSUKKT	20	7.8	3.28	20	8.01	3.48	3.38	Gi i	T T	
30	1820255719	Mai Th Thanh H ng	K18PSUKKT	20	7.85	3.39	21	7.8	3.34	3.36	Gi i	T T	
31	1820256449	Tr ng Nguy n Qu nh Nhi	K18PSUKKT	20	7.68	3.28	20	7.84	3.4	3.34	Gi i	T T	
32	1821254925	Hoàng Ti n t	K18PSUKKT	19	7.37	3.1	20	8.14	3.56	3.34	Gi i	X S C	
33	1820245709	Lê Th H ng Xuân	K18PSUQNH	20	8.48	3.76	21	8.93	3.9	3.83	Xu t S c	X S C	
34	1820244898	Lê Th o Lan	K18PSUQNH	20	8.1	3.53	20	7.72	3.36	3.45	Gi i	T T	

S TT	MSSV	H VÀ TÊN	L P	K T Q U H C T P C N M						I M T B H C T P NH 14-15	X P L O I H C T P NH 14-15	X P L O I R È N L U Y N N H 14-15	G H I C H Ú
				H C K 1			H C K 2						
				S T C	T B T H A N G 10	T B T H A N G 4	S T C	T B T H A N G 10	T B T H A N G 4				
35	1820214258	Tr ñng Tr ñn Thanh Tâm	K18PSUQTH	20	8.69	3.84	21	8.77	3.92	3.88	Xu t S c	T T	
36	1820215326	H Th Thu Hi n	K18PSUQTH	20	8.02	3.51	21	8.22	3.66	3.59	Gi i	T T	
37	1820214260	Hu nh Th Tuy t Trinh	K18PSUQTH	20	8.4	3.71	21	7.85	3.45	3.58	Gi i	T T	
38	1820213885	Ph m Th Bích Ng c	K18PSUQTH	19	8.18	3.53	21	8.17	3.63	3.58	Gi i	T T	
39	1821213625	Nguy n Qu c Thái	K18PSUQTH	18	7.84	3.31	19	8.85	3.79	3.56	Gi i	X S C	
40	1820214252	Tr ñn Th Kim Anh	K18PSUQTH	20	7.78	3.28	21	8.48	3.83	3.56	Gi i	T T	
41	1820214865	Phan Th Mai	K18PSUQTH	20	7.78	3.32	21	8.4	3.74	3.54	Gi i	T T	
42	1820214864	Nguy n Anh Th	K18PSUQTH	20	8.12	3.54	20	8.06	3.53	3.54	Gi i	T T	
43	1820213618	Tr ñn Th L H ñng	K18PSUQTH	20	8.26	3.58	21	7.84	3.44	3.51	Gi i	T T	
44	1820213878	Tr ñng Th M Hi u	K18PSUQTH	20	7.79	3.41	21	7.98	3.57	3.49	Gi i	T T	
45	1820214235	ñng Th Thanh Mai	K18PSUQTH	20	8.04	3.46	21	7.88	3.42	3.44	Gi i	T T	
46	1820213881	Hu nh Th Ái Nhi	K18PSUQTH	19	8.24	3.64	21	7.68	3.25	3.44	Gi i	T T	
47	1820215331	Ki u Th Hoa	K18PSUQTH	20	7.62	3.27	21	7.99	3.58	3.43	Gi i	T T	
48	1921113076	Nguy n Tr ñn Vi t Ch ñng	K19CMUTMT	20	8.44	3.66	21	8.32	3.74	3.70	Xu t S c	X S C	
49	1921146854	Lê Ng c An	K19CMUTMT	20	7.94	3.41	21	7.74	3.3	3.35	Gi i	X S C	
50	1921126489	Lê Nam Trung	K19CMUTPM	20	8.02	3.61	21	8.3	3.65	3.63	Gi i	X S C	
51	1921126452	Nguy n Minh D ñng	K19CMUTPM	20	7.72	3.36	21	8.65	3.74	3.55	Gi i	X S C	
52	1921126426	Tôn Th t Bình	K19CMUTPM	19	8.25	3.59	20	8	3.48	3.53	Gi i	X S C	
53	1921126436	Lê ñnh Nguyên V	K19CMUTPM	20	7.78	3.36	21	8.11	3.59	3.48	Gi i	T T	
54	1921129224	Phan Thành To i	K19CMUTPM	19	8.22	3.6	21	7.84	3.36	3.47	Gi i	X S C	
55	1921123286	Cái Ng c D ñng	K19CMUTPM	19	8.32	3.75	21	7.36	3.08	3.40	Gi i	X S C	
56	1920129465	ñng Th Kim Dung	K19CMUTPM	20	7.54	3.21	21	8.01	3.53	3.37	Gi i	X S C	
57	1921126438	Ngô Vi t Hùng	K19CMUTPM	20	7.88	3.41	21	7.59	3.28	3.34	Gi i	X S C	
58	1920146138	Nguy n Th Hà	K19CMUTTT	20	8.47	3.73	21	8.23	3.63	3.68	Xu t S c	T T	
59	1920123163	Tr ñn Th Thanh Hà	K19CMUTTT	20	8.14	3.6	21	8.13	3.56	3.58	Gi i	T T	
60	1921418954	oàn V ñn Khôi	K19CSUKTR	20	8.22	3.48	21	8.49	3.73	3.61	Gi i	T T	
61	1920416560	Tr ñn Khánh Nhiên	K19CSUKTR	20	8.18	3.48	21	8.2	3.64	3.56	Gi i	T T	
62	1921613411	Võ Hùng V	K19CSUXDD	18	8.13	3.46	21	7.72	3.31	3.38	Gi i	X S C	
63	172318871	Nguy n Ph ñng Hà	K19PSUKKT	20	8.38	3.69	20	8.35	3.65	3.67	Gi i	T T	
64	1920265610	V ñng Ph ñng Linh	K19PSUKKT	20	7.84	3.46	21	8.09	3.55	3.51	Gi i	T T	
65	1920256686	Ph m Th c Nhi	K19PSUKKT	19	7.78	3.43	21	7.89	3.43	3.43	Gi i	T T	
66	1920256682	D ñng Th Thanh H i	K19PSUKKT	20	7.95	3.38	19	7.94	3.46	3.42	Gi i	T T	
67	1920265650	Tr ñng Th Hàn Linh	K19PSUKKT	20	7.82	3.36	21	7.83	3.39	3.38	Gi i	T T	
68	1921256699	Nguy n Anh D ñng	K19PSUKKT	19	8.03	3.52	21	7.36	3.22	3.36	Gi i	T T	
69	1920256698	Hu nh Lê B o Trân	K19PSUKKT	20	7.32	3.11	21	8.2	3.55	3.34	Gi i	X S C	
70	1920245369	Nguy n Th Thanh Truy n	K19PSUQNH	20	8.1	3.53	21	8.09	3.58	3.56	Gi i	T T	
71	1920255470	Hoàng Ng c Yên Bình	K19PSUQNH	20	8.1	3.54	21	8.13	3.53	3.53	Gi i	T T	
72	1920246662	Tr ñn Th Kim Ng c	K19PSUQNH	20	8.08	3.58	21	7.85	3.41	3.49	Gi i	X S C	
73	1920241910	Võ Thanh Hoài Duyên	K19PSUQNH	20	7.98	3.48	22	7.67	3.26	3.36	Gi i	T T	

S TT	MSSV	H VÀ TÊN	L P	K T Q U H C T P C N M						I M T B H C T P NH 14-15	X P L O I H C T P NH 14-15	X P L O I R È N L U Y N N H 14-15	G H I C H Ú
				H C K 1			H C K 2						
				S T C	T B T H A N G 10	T B T H A N G 4	S T C	T B T H A N G 10	T B T H A N G 4				
74	1920235301	ng Ng c Hoàng Nguyên	K19PSUQNH	20	7.52	3.26	21	7.9	3.45	3.36	Gi i	T T	
75	1920216585	Nguy n Th Khánh My	K19PSUQTH	19	8.31	3.59	20	8.67	3.8	3.70	Xu t S c	X S C	
76	1920216594	Tr n N Ái M	K19PSUQTH	20	8.42	3.8	20	8.06	3.56	3.68	Xu t S c	X S C	
77	1920219143	Ph m Th Th y Tiên	K19PSUQTH	18	8.06	3.49	21	8.5	3.76	3.64	Gi i	X S C	
78	1920218046	T ng Hà Ng c Hi n	K19PSUQTH	20	8.26	3.54	21	8.21	3.65	3.60	Gi i	X S C	
79	1920215090	Nguy n Th Bích Ng c	K19PSUQTH	19	8	3.5	20	8.34	3.68	3.59	Gi i	T T	
80	1920215244	Nguy n Tr n Tuy t M n	K19PSUQTH	18	7.98	3.48	20	8.2	3.6	3.54	Gi i	X S C	
81	1920216634	Tr n Th M H nh	K19PSUQTH	19	8.56	3.65	21	8	3.43	3.53	Gi i	T T	
82	1920218048	Nguy n Th Lan Ph ng	K19PSUQTH	20	7.94	3.44	20	7.9	3.46	3.45	Gi i	T T	
83	1920215065	Võ Th Thu Nguy t	K19PSUQTH	20	7.92	3.49	21	7.67	3.33	3.41	Gi i	T T	
84	2021114421	H Ph c Th nh	K20CMUTMT	15	7.73	3.29	20	8.16	3.46	3.39	Gi i	X S C	
85	2021114434	Nguy n c Long	K20CMUTMT	15	7.69	3.37	20	7.98	3.33	3.35	Gi i	T T	
86	2021123782	Lê ình Nh t Khánh	K20CMUTPM	15	9.17	3.95	19	8.88	3.81	3.87	Xu t S c	X S C	
87	2020113114	L Thanh V nh	K20CMUTPM	15	8.78	3.95	19	8.54	3.66	3.79	Xu t S c	X S C	
88	2021124572	Lê H u Ti n	K20CMUTPM	15	8.91	3.84	21	8.56	3.68	3.75	Xu t S c	X S C	
89	2021128156	Nguy n M Toàn	K20CMUTPM	15	8.81	3.82	19	8.29	3.56	3.67	Gi i	X S C	
90	2021434281	Nguy n Thành Thông	K20CMUTPM	11	8.63	3.69	17	8.36	3.64	3.66	Gi i	T T	
91	2021124525	Nguy n Anh Tu n	K20CMUTPM	15	8.8	3.75	21	8.33	3.6	3.66	Gi i	T T	
92	2021124521	Võ Ng c Duy	K20CMUTPM	15	8.48	3.71	21	8.4	3.63	3.66	Gi i	X S C	
93	2021123665	Nguy n Tùng D ng	K20CMUTPM	15	8.23	3.62	19	8.19	3.52	3.56	Gi i	X S C	
94	2021124288	Tr n V n Th c	K20CMUTPM	15	8.32	3.62	19	8.23	3.5	3.55	Gi i	X S C	
95	2021127064	Lê Tu n Anh	K20CMUTPM	15	8.27	3.59	19	8.14	3.44	3.51	Gi i	T T	
96	2021123434	Hu nh Bá C ng	K20CMUTPM	15	7.77	3.42	19	8.33	3.54	3.49	Gi i	X S C	
97	2021123542	Tr n Hoàng Ph c Nguyên	K20CMUTPM	15	8.31	3.75	18	7.63	3.25	3.48	Gi i	X S C	
98	2020125883	Thái Th H ng Minh	K20CMUTPM	15	8.2	3.59	19	7.97	3.38	3.47	Gi i	X S C	
99	2021123741	Nguy n Nh t Nam	K20CMUTPM	15	7.94	3.46	21	7.98	3.38	3.41	Gi i	T T	
100	2020113005	Lý B o Khánh	K20CMUTPM	15	7.91	3.42	19	7.89	3.38	3.40	Gi i	X S C	
101	2020113167	Nguy n c Viên	K20CMUTPM	15	7.89	3.46	21	7.8	3.36	3.40	Gi i	T T	
102	2021127334	Ph m Hoàng Minh	K20CMUTPM	15	7.76	3.28	21	7.95	3.44	3.37	Gi i	X S C	
103	2021147139	ng Ng c Th D ng	K20CMUTTT	15	8.61	3.77	21	7.74	3.31	3.50	Gi i	T T	
104	2021418422	ình Ng c C ng	K20CSUKTR	15	7.59	3.23	20	8.18	3.56	3.42	Gi i	X S C	
105	2020613232	Hoàng Tu n Anh	K20CSUXDD	15	8.11	3.51	20	8.5	3.71	3.62	Gi i	T T	
106	2021618198	Nguy n V n Phát	K20CSUXDD	15	8.15	3.54	20	8.05	3.61	3.58	Gi i	X S C	
107	1921619184	Tr n Thanh Vi t	K20CSUXDD	13	8.13	3.64	19	8.11	3.54	3.58	Gi i	T T	
108	2021255788	Lê H B o Chính	K20PSUKKT	15	8.78	3.88	20	8.73	3.69	3.77	Xu t S c	X S C	
109	2021253494	Hu nh Quang Duy	K20PSUKKT	15	8.51	3.73	20	8.72	3.8	3.77	Xu t S c	T T	
110	2020255098	Ngô Th Xuân Trang	K20PSUKKT	15	8.55	3.73	20	8.7	3.78	3.76	Xu t S c	T T	
111	1810216131	Nguy n Hoàng Uyên	K20PSUKKT	17	8.68	3.66	20	8.74	3.81	3.74	Xu t S c	X S C	
112	2020254327	Tr n Th Thu Hà	K20PSUKKT	15	8.28	3.57	19	8.43	3.63	3.60	Gi i	T T	

S TT	MSSV	H VÀ TÊN	L P	K T Q U H C T P C N M						I M T B H C T P NH 14-15	X P L O I H C T P NH 14-15	X P L O I R È N L U Y N N H 14-15	G H I C H Ú
				H C K 1			H C K 2						
				S T C	T B T H A N G 10	T B T H A N G 4	S T C	T B T H A N G 10	T B T H A N G 4				
113	161325564	Nguy n Vi t H ng Phi	K20PSUKKT	15	8.85	3.91	20	9.21	4	3.96	Xu t S c	X S C	
114	2020256583	Phan Th Kim Nhung	K20PSUKKT	15	7.95	3.48	20	8.2	3.59	3.54	Gi i	T T	
115	2020243627	ng Ng c Tâm Nguyên	K20PSUKKT	15	8.05	3.58	20	7.9	3.35	3.45	Gi i	T T	
116	2020254474	ng Th Ng c Hi p	K20PSUKKT	15	8.03	3.55	20	7.74	3.35	3.44	Gi i	T T	
117	2020235056	H Tr n Ph ng Hoàng	K20PSUKKT	15	7.67	3.26	20	8.04	3.56	3.43	Gi i	T T	
118	2020234719	Hu nh Th Di p Hoàng	K20PSUKKT	15	8.02	3.57	20	7.64	3.3	3.42	Gi i	T T	
119	1810215028	Nguy n Th Khánh Ly	K20PSUKKT	15	8.5	3.72	21	7.57	3.15	3.39	Gi i	T T	
120	2020254850	Ph m Anh Th	K20PSUKKT	15	7.99	3.42	20	7.94	3.37	3.39	Gi i	X S C	
121	2020254491	Lê Th Hoàng Giang	K20PSUKKT	15	8.01	3.53	20	7.7	3.23	3.36	Gi i	X S C	
122	2020255578	Ph m Th Gái	K20PSUKKT	15	7.71	3.35	20	7.7	3.33	3.34	Gi i	T T	
123	2020244359	Nguy n Lan Dung	K20PSUQNH	15	8.53	3.73	20	8.83	3.97	3.87	Xu t S c	X S C	
124	2020244533	Nguy n Th Minh Hi n	K20PSUQNH	15	8.79	3.91	20	8.72	3.76	3.82	Xu t S c	X S C	
125	2020238465	Ph m Th M H nh	K20PSUQNH	15	8.33	3.69	20	8.6	3.71	3.70	Xu t S c	X S C	
126	2020244502	Tr n Thu Hà	K20PSUQNH	15	7.74	3.31	20	8.28	3.66	3.51	Gi i	X S C	
127	2021216282	Nguy n Hoàng Sang	K20PSUQNH	15	7.83	3.4	20	7.84	3.36	3.38	Gi i	X S C	
128	2020244415	Hoàng Th D c Nghi	K20PSUQNH	15	7.62	3.26	20	7.89	3.41	3.35	Gi i	X S C	
129	2020212927	Võ Th Hoài Trâm	K20PSUQTH	15	8.98	3.93	20	9.19	3.95	3.94	Xu t S c	X S C	
130	2020710573	Hu nh Nh Hi n	K20PSUQTH	15	9.11	3.95	21	8.73	3.87	3.90	Xu t S c	X S C	
131	2020216444	Ph m Th Ly Na	K20PSUQTH	15	9.19	4	21	7.86	3.43	3.67	Gi i	X S C	
132	2020213948	Lê Hoàng Thanh Trúc	K20PSUQTH	15	7.31	3.08	21	8.38	3.79	3.49	Gi i	X S C	
133	2021213581	Hu nh Kim Sang	K20PSUQTH	15	7.36	3.04	21	8.42	3.71	3.43	Gi i	T T	
134	2020217912	Hà Th Nh Ý	K20PSUQTH	15	8.04	3.52	19	7.69	3.33	3.41	Gi i	X S C	

XÁC NH N C A PHÒNG ÀO T O H & S H

TR NG KHOA

Ngày 08 tháng 10 n m 2015
NG IL P

LÊ CHÂU QUANG VI N